



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN  
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam  
ĐT: 028-37541813 Fax: 028-37541814  
Email: [apt@apt.com.vn](mailto:apt@apt.com.vn) Web: [www.apt.com.vn](http://www.apt.com.vn)

Số: **76** /CV-THS  
V/v Công bố thông tin trên cổng  
Thông tin điện tử của UBCKNN

TP.HCM ngày 17 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Công ty: **Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.**

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông NGUYỄN TRI HIẾU

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Di động: 0903717748

Loại Thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để báo cáo và công bố TT);
- HĐQT Công ty (để báo cáo);
- Ban KS Công ty (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK.HĐQT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**NGUYỄN TRI HIẾU**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).**  
Năm báo cáo: 2018



**Tháng 04/2019**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.28) 37541889 - Fax: (84.28) 37541808.
- Website: [www.apt.com.vn](http://www.apt.com.vn) - Email: [aptco@apt.com.vn](mailto:aptco@apt.com.vn)
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế Hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 09 ngày 23/10/2018.
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không.

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT) được thành lập do cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty kinh doanh thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty kinh doanh thủy hải sản thành Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

Công ty APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 142, DL 769, HK 155, HK 156.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay, sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 9 (chín) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ chín ngày 23/10/2018

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.
- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.

- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005-2006-2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010-2011-2013-2014, 2017, 2018 Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.
- + Năm 2017, 2018 : Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập.
- + Năm 2017: Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP.Hồ Chí Minh;
- + Năm 2017: Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động: Người Việt Nam ưu tiêu dùng hàng Việt Nam”
- + Năm 2016, 2017, 2018 **“đạt chứng nhận VietGap”**, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn **“chuỗi sản phẩm an toàn”** có giá trị đến năm 2020.

**b. Các sự kiện khác:**

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ I do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- |                            |                                     |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành    | Chủ tịch HĐQT;                      |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh         | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc;    |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn    | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết        | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài).    |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người đại diện vốn Nhà nước, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác (*đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008*).

Tháng 07/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người đại diện vốn Nhà nước. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là đại diện vốn Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Nhà nước từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người đại diện vốn Nhà nước và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).



Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

1. Ông Trần Phát Minh : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn : Thành viên HĐQT
3. Ông Đào Xuân Đức : Thành viên HĐQT
4. Ông Trương Tiến Dũng : Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
5. Ông Tạ Bá Thuyết : Thành viên HĐQT

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Xuân Đức : Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Tiến Dũng : Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Phùng Công Trí Dũng : Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH<sub>3</sub>. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bào quản rau quả.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy Thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên hội đồng quản trị,

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2017. cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

Hội đồng quản trị gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

1. Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát
2. Bà Đỗ Ngọc Nga Thành viên
3. Bà Lê Thị Thùy Trang Thành viên

Tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018. Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Đại hội cổ đông năm 2018 đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm thành viên Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm Trưởng ban kiểm soát.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị.

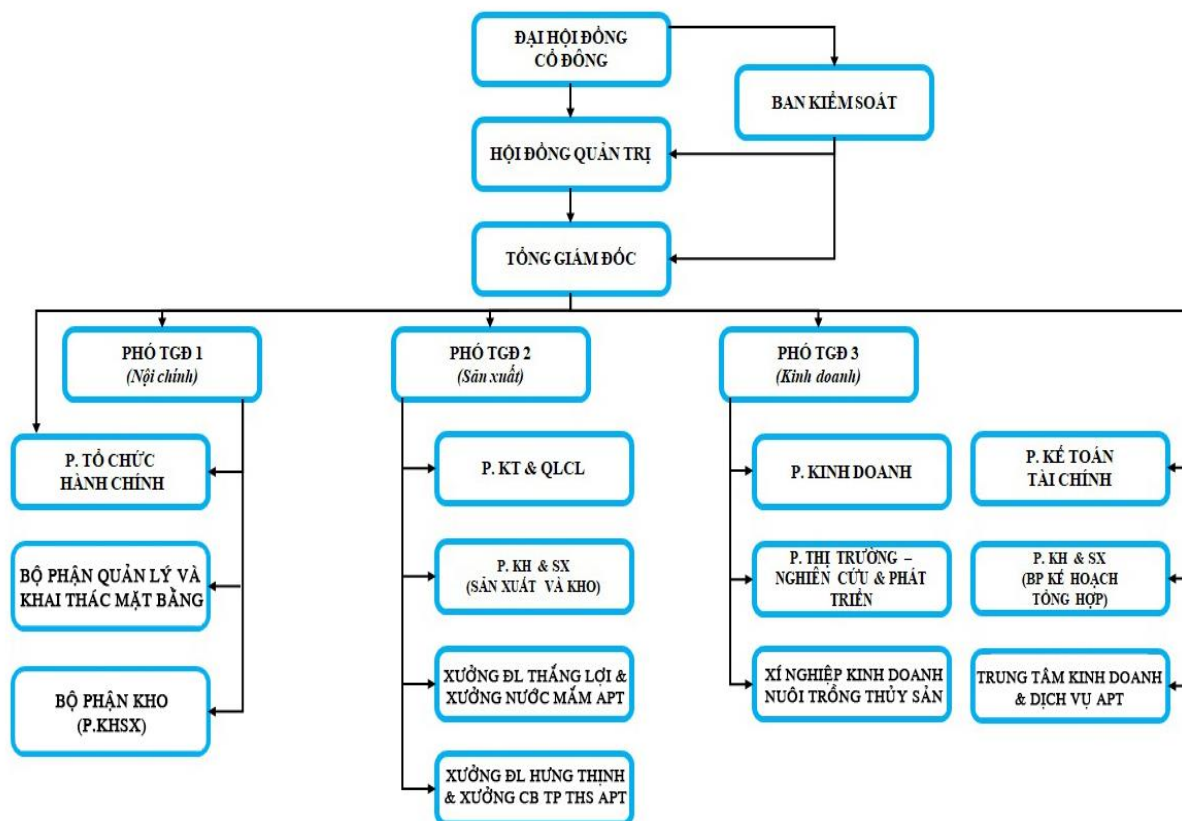
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

- Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

## 5. Định hướng phát triển:

### 5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các mặt bằng; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

- Mục tiêu đặt ra cho những năm sắp tới là các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phải có tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng từ 10% - 20%; Sớm hoàn tất công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước và thoái hết vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND Thành phố..

Sau khi tình hình tài chính được lành mạnh hóa, mục tiêu hướng đến là kim ngạch xuất khẩu phải đạt trên 10.000.000USD; kinh doanh nội địa trở thành nhà cung cấp với đa dạng hóa mặt hàng, doanh thu đạt trên 200 tỷ (*tương đương 10.000.000USD*).

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

### 5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

#### a. Xuất khẩu:

- Phân đầu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên trên 50% công suất Nhà máy.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.
- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Úc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga ... Phân đầu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới
- Chỉ tiêu kim ngạch: Phân đầu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.
- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt các loại cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế đông lạnh, và nước mắm, nông sản.

#### b. Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, hướng đến những sản phẩm thiết thực đối với bữa ăn của gia đình (*đặc biệt quan tâm đến sản phẩm dành cho các gia đình*). Xây dựng chiến lược thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.
- Có chiến lược đột phá và nguồn tài chính ổn định cho kế hoạch Marketing dài hạn. Đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm nước mắm, xây dựng ***sản phẩm nước mắm là sản phẩm dẫn đường cho thương hiệu “APT”***.
- Với điều kiện thuận lợi về chứng nhận đạt tiêu chuẩn “*chuỗi sản phẩm an toàn*”, “*đạt chứng nhận VietGap*”, chứng nhận “*Hàng Việt Nam chất lượng cao*” “*Hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập*” “*Sản phẩm thương hiệu Việt tiêu biểu của Bộ Công Thương*” tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điều hồng.
- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Metro/ Big C/ Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ...bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống. Mục tiêu đặt ra là hàng thủy hải sản tươi sống của APT có mặt tại hầu hết các cửa hàng Satra foods và từng bước có mặt tại các hệ thống siêu thị lớn như Coopmart, Big C...vv
- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.



### **5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ:**

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2017 đến năm 2022, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...

### **5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:**

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **5.2.4 Chiến lược phát triển nuôi trồng:**

- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản và mặt hàng cá điêu hồng của Công ty APT đạt chứng nhận **“chuỗi thực phẩm an toàn”** và **“đạt chứng nhận VietGap”** là điều kiện để phát triển mặt hàng cá nuôi.

- Duy trì phương pháp nuôi an toàn, chất lượng, tạo ra nguyên liệu đáp ứng cho công tác xuất khẩu và cung cấp cho thị trường nội địa **“chuỗi thực phẩm an toàn”**; đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng cá điêu hồng, cá trê, cá tra ... cho công tác xuất khẩu.

### **5.2.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:**

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

## **6. Các rủi ro:**

### **1. Rủi ro về kinh tế:**

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

## **2. Rủi ro về luật pháp:**

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được thuê theo hình thức đất trả tiền hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **3. Rủi ro đặc thù:**

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản công bố thông tin này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

#### 4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm **2018**:

- ĐVT: 1.000đ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018		
			Số liệu	Tỷ lệ (%)	
				So với KH 2018	So với TH năm 2017
A	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
<b>Doanh thu</b>	300 tỷ	320 tỷ	330,98 tỷ	103,43	110,32
<i>Doanh thu (trừ DT NB)</i>	260 tỷ	280. tỷ	290 tỷ	103,57	111,53
<b>Kim ngạch XK (USD)</b>	6.180.000	5.500.000	5.600.000	101,81	90,61
<i>Tr/đó: XK trực tiếp</i>	5.235.000	5.000.000	5.600.000	112	106,97
<b>Lợi nhuận</b>	6,005 tỷ	<b>Không lợi nhuận</b>	6 triệu đồng		
<b>Thu nhập bình quân</b> <i>(đồng/người/tháng)</i>	7.040.000	7.400.000	7.661.000	103,52	108,82

*(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng)*

### 2. Đánh giá chung:

Nhìn chung, trong điều kiện ảnh hưởng từ tình hình kinh tế của thế giới cũng như tình hình trong nước, Ban Điều hành cùng tập thể Người Lao động trong Công ty đã cố gắng khắc phục những khó khăn để thực hiện kế hoạch mà HĐQT đã giao từ đầu năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty có những khó khăn và thuận lợi.

#### a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự đồng thuận từ Cổ đông; HĐQT quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Với tinh thần đoàn kết nhất trí xuyên suốt từ lãnh đạo cao nhất, các đoàn thể, tập thể người lao động. Công ty đã vượt qua những khó khăn bảo đảm duy trì sản xuất, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động;

- Ban Tổng Giám đốc quyết liệt trong công tác điều hành. Ngay từ đầu năm 2018, trên cơ sở năng lực và điều kiện thực tế đã giao chỉ tiêu kế hoạch cho từng Bộ phận quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Qua đó, từng bộ phận trực thuộc đã chủ động xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc đã hàng năm đều được Hội đồng quản trị, ban điều hành quan tâm đầu tư, duy tu, sửa chữa bằng nguồn vốn khấu hao nhằm đảm bảo được điều kiện sản xuất, đạt tiêu chuẩn theo quy định, đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh theo quy định của các cơ quan chức năng.

- Trong Quý II Công ty đã được chứng nhận thêm 2 Code DL 878 và NM 880;

- Cuối tháng 6/2018 Kết quả kiểm Code DL 364, HK 156, DL 769 đạt tốt.

- Công ty nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu hàng nội địa như hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập...vv Sản phẩm của Công ty được chọn là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố 3 nhóm: Nước mắm, khô, hàng chế biến.

## **b. Khó khăn:**

- Do công nợ và những vấn đề tồn đọng cũ đến nay vẫn chưa được giải quyết nên lỗ lũy kế vẫn kéo dài. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những khó khăn của Công ty trong nhiều năm qua, một trong những bất lợi là Công ty phải tự lo về nguồn vốn kinh doanh do không được ngân hàng cho vay vốn.

- Tình hình lao động ngành thủy sản ngày càng thiếu, trong năm thường xuyên thiếu lao động trên 100 người nên những khi vào mùa vụ chính thì phải sử dụng thêm lao động khoán nên không ổn định.

- *Về xuất khẩu:* Do thiếu nguồn nguyên liệu hải sản trầm trọng, một số mặt hàng cá nuôi thì không đạt tiêu chuẩn về kháng sinh, hàng nông sản khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... nên khách hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao, - Giá cả nguyên liệu hải sản tăng kéo theo nguyên liệu thủy sản nước ngọt tăng trong khi giá thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam nói chung và APT nói riêng không tăng được do cạnh tranh giá cả với các nước trong khu vực.

- *Về thị trường nội địa:* Giá nguyên liệu đầu vào không ổn định với xu hướng ngày một tăng cao nhưng giá bán vào các siêu thị phải ổn định trong thời gian dài hàng năm, đây là khó khăn về thị trường nội địa trong đàm phán kinh doanh do thường các doanh nghiệp Việt Nam phải phụ thuộc vào chính sách của Hệ thống siêu thị.

- *Về sản xuất:* Không những Công ty thiếu nguyên liệu mà hầu hết số khách hàng lớn của Công ty cũng gặp tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào nên đã ảnh hưởng khá lớn đến mảng sản xuất gia công trong năm; một số mặt hàng hàng nông sản như sầu riêng, mít, khoai môn,... cũng khan hiếm, giá tăng cao nên khách hàng cũng giảm sản lượng sản xuất.



- *Về nuôi trồng*: Điều kiện môi trường vẫn không được cải thiện, ô nhiễm ngày càng cao, khó kiểm soát nguồn nước trong quá trình nuôi nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng con giống và định mức FCR do hao hụt con giống cao,...vv

- *Về trang thiết bị, máy móc, cơ sở hạ tầng*: Mặc dù trong năm đã có đã bổ sung, thay thế duy tu đối với một số trang thiết bị nhưng do hầu hết thiết bị đã cũ có tuổi đời hàng chục năm vẫn thường xảy ra hư hỏng, hiệu suất hoạt động giảm dần theo thời gian, chi phí sửa chữa tăng cao nên đây cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất cũng như lợi nhuận của công tác sản xuất.

- *Về công tác tổ chức, tuyển dụng nhân sự*: Việc tuyển dụng lao động có tay nghề ngày càng khó khăn do đặc thù của ngành đòi hỏi ở người lao động nữ, cần mẫn, khéo léo, chịu khó,... Người lao động cũ có tay nghề đến tuổi nghỉ hưu cũng nhiều, số lao động tuyển mới thì tay nghề yếu cần phải được đào tạo và cần có thời gian thích nghi nên năng suất không cao và thường không gắn bó nên biến động liên tục. Đây cũng là một trong những khó khăn về nguồn lao động trực tiếp của Công ty.

### 3. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 04 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



#### 3.1. Ông Trương Tiến Dũng: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam;
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn nhà nước*): 1.584.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 18% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.

**\*. Quá trình công tác:**

- Từ tháng 06/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco);
- Từ tháng 08/2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;
- Từ tháng 05/2001: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;
- Từ tháng 10/2003: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco, Bí thư Đoàn Công ty Imexco;
- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận;
- Từ tháng 08/2005: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;
- Từ tháng 09/2005: Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;
- Từ tháng 10/2005 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA)
- Từ tháng 10/2007 Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM.
- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ SATRA. **Phó chủ tịch Hội LTTP TP.HCM, Ủy viên HĐQT Công ty CP Lương thực TP.HCM (Foodcosa),**

**3.2. Ông Nguyễn Tri Hiếu – Phó Tổng Giám đốc**

- Sinh ngày 23/11/1959;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn Nhà nước theo ủy quyền Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH Một thành viên*): 528.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 06 % trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân kế hoạch, Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.

**\* Quá trình công tác:**

- 1977-1981: Bộ đội Quân khu 7 - Chức vụ Trung đội phó, Bí thư Liên Chi đoàn.
- 1981-1982: Học Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn
- 1982-1986: Học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn, Ủy viên thường vụ Đoàn khoa Kế hoạch.
- 1986-1988: Cán bộ Phòng Kế hoạch Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn- Imexco

1988-1989: Trưởng tuyến phụ trách các trạm thu mua và chế biến Tuy Phong - Thuận Hải thuộc Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1989-1992: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn kiêm Phó Giám đốc Công ty liên doanh Thủy sản Chí Công (liên doanh giữa Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn với Công ty Thủy sản Tuy Phong - Thuận Hải và Liên hiệp công ty XNK Thủy sản Thuận Hải.

1992-1994: Thành viên Ban thanh lý Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1994-1997: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Xí nghiệp Đông lạnh I thuộc Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

1997-2004: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2004-2014: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2014- Nay. Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

### **3.3 Ông Ngô Văn Khương: Phó Tổng Giám đốc.**

- Sinh ngày: 24/11/1972

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam;

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 0 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: kỹ sư ngành công nghệ cắt may, chứng chỉ An toàn vệ sinh thực phẩm

#### **\* Quá trình công tác:**

- Từ 01/07/1996 - 01/02/2000: Nhân viên Xí nghiệp May Vitexco

- Từ 01/03/2000 - 01/06/2006: Phó phòng Kế Hoạch Xí nghiệp May Vitexco

- Từ 01/07/2006 - 01/12/2008: Trưởng phòng Công ty TNHH SXTMDV May xuất khẩu An Hội Vitexco.

- Từ 15/10/2009 - 09/09/2010: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 10/09/2010 - 01/08/2016: Trưởng phòng Kinh Doanh Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 01/08/2016 - 31/12/2016: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 01/01/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

### **3.4 Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc**

- Sinh ngày: 02/03/1975;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến;

- Từ tháng 01/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 08/2006: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo, Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2009: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

### **3.5. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng**

- Sinh ngày: 03/07/1977;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2001: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.

- Từ tháng 11/2005: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.

- Từ tháng 01/2007: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT

- Từ tháng 9/2009: Kế toán tổng hợp

- Từ tháng 9/2010: Phó phòng Kế toán Tài chính

- Từ tháng 1/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Kế toán Tài chính Công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

**- Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.**

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 354 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		



STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	157	44
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	134	38
3	Lao động thời vụ	43	12
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	151	43
2	Lao động nữ	183	58
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	56	16
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	47	14
3	CNKT và trình độ khác	251	70

Nguồn: P.TCHC APT

❖ Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động



**a. Chính sách đào tạo:**

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

**b. Chính sách tiền lương, thưởng:**

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng: được trả lương theo hệ số công việc do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ...: theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

**c. Chính sách trợ cấp:**

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

**4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

**5. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản		170.650	+11.938
Doanh thu thuần	158.712	290.789	+29.974
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	260.815	-35.734	
Lợi nhuận khác	-31.445	-17.533	
Lợi nhuận trước thuế	29.485	-35.752	
Lợi nhuận sau thuế	-31.415	-35.752	



**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.12	0.14	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.09	0.08	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	4.15	4.15	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-1.31	-1.32	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	10.75	7.9	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.64	1.70	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

**6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó **không có cổ phần** hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông..

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

*Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018*

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30	-	-	2.640.198	30
Cổ đông nội bộ (23 người)	38.700	0.44			33.400	0.38

Cổ đông bên ngoài (407 người)	6.121.402	69.56			6.126.402	69.62
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.929.193 KWh

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): 54.200 m<sup>3</sup>

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước cấp KCN Tân Tạo: 12.000 m<sup>3</sup>

- Nước giếng : 42.200m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty.**

### **1.ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

#### **Những mặt làm được:**

- **Công tác điều hành:**

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều hành Công ty đạt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2018:

- Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT.



- Được sự đồng thuận của HĐQT, BKS. Công ty đã sử dụng nguồn khấu hao tích lũy để đầu tư xây dựng mới và nâng cấp một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Về cơ bản kết quả thực hiện năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm 2017, về doanh thu đạt 103,57%/KH năm – 111,53% so với cùng kỳ 2017; L

- Bộ máy tổ chức, nhân sự được điều chỉnh, điều chuyển cho phù hợp với yêu cầu thực tế, ngày càng đáp ứng yêu cầu về chất lượng công việc. Cán bộ quản lý được rèn dũa qua nhiệm vụ, điều chuyển ở nhiều vai trò, vị trí. Đến nay, một số cán bộ quản lý có thể được điều động đảm nhiệm từ 02 đến 03 vị trí công việc.



- Trong năm, thông qua các Hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, Hội chợ Việt Nam Expro, Hội chợ hàng VNCL cao,... Công ty đã được khách hàng, người tiêu dùng quan tâm, đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và đạt nhiều thành tích nhất định như được người tiêu dùng bình chọn **“Hàng Việt nam chất lượng cao”**, **“Hàng Việt nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập”**, sản phẩm nước mắm Bản Việt đạt **“Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu Tp.HCM năm 2017”** do Hội doanh nghiệp Tp.HCM bình chọn, Giải thưởng **“Sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt tiêu biểu”**, hưởng ứng cuộc vận động **“Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt Nam”**,...vv



- Từng bước xây dựng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu đi vào chuyên nghiệp hơn, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường,... Tham gia nhiều chương trình phát triển thị trường nhằm quảng bá thương hiệu APT. Đến nay, hàng hóa của Công ty đã có mặt trên khắp các hệ thống Satrafoods, tăng số lượng mặt hàng vào hệ thống Coop, Big C...

- Ban Điều hành phối hợp các Đoàn thể quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

## **1.1. Công tác điều hành:**

### **1.1.1.- Về công tác điều hành chung:**

Mặc dù trong năm 2018 Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng với sự đoàn kết đồng lòng của tập thể người lao động dưới sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị. Công ty đã hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018.

### **1.1.2.- Về công tác xuất khẩu:**

- Năm 2018 là năm khó khăn nhất trong 10 năm trở lại về nguồn nguyên liệu Thủy hải sản. Công ty đã phân đấu nỗ lực vượt bậc để đạt kết quả kim ngạch xuất khẩu trực tiếp vượt kế hoạch được giao.

- Kết quả kinh doanh xuất khẩu trực tiếp năm 2018 đã có sự phát triển hơn so với cùng kỳ năm 2017 do Ban Tổng giám đốc Công ty đã phân công trách nhiệm rõ ràng từ người lãnh đạo đến từng tập thể, cá nhân...vv



### **1.1.3.- Về công tác kinh doanh nội địa:**

- Mặc dù tình hình kinh doanh nội địa có nhiều khó khăn hơn so với năm 2017. Tuy nhiên với việc tuân thủ đúng dẫn chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về định hướng chiến lược cung cấp thực phẩm an toàn cho bữa ăn hàng ngày của mỗi gia đình. Năm 2018 Kinh doanh nội địa đã tạo bước chuyển mình tích cực tạo nên hình ảnh thương hiệu cho sản phẩm và cho Công ty góp phần đem lại nhiều danh hiệu, bằng khen, giấy khen. Đây là một sự nỗ lực lớn trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của Thị trường nội địa và tình hình khó khăn của Công ty.

- Công ty đã cung ứng nhiều hàng hóa chất lượng cho thị trường nội địa. Trung tâm Kinh doanh nội địa APT là đơn vị được phân công thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh nội địa đã có nhiều giải pháp sáng tạo để chuyển đổi cơ cấu doanh thu, quan tâm phát triển đối với mặt hàng nước mắm, tăng doanh thu hàng tươi sống, Mặt hàng tươi sống đã có sự tăng trưởng vượt bậc do đã tăng được điểm bán vào Coop, Satra Logo APT được gắn tại khu vực hàng THS tươi sống của hơn 200 cửa hàng Satrafoods, Siêu Thị Satra 3/2, Coop góp phần quảng bá thương hiệu APT.



Công ty đã tham gia tốt chương trình bình ổn giá của Thành phố năm 2018 được Sở Công thương kiểm tra và đánh giá cao cho phép tiếp tục tham gia chương trình bình ổn giá năm 2019.

#### 1.1.4 Về công tác Marketing

**Đây là một nỗ lực hết sức lớn của Công ty trong điều kiện nguồn kinh phí hết sức hạn hẹp. Công tác Marketing đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.**



- Kênh truyền thông online đã được áp dụng để quảng bá thương hiệu APT như Website, fanpage,... đến nay đã giúp thương hiệu và sản phẩm APT được khá nhiều khách hàng thường xuyên theo dõi thông tin.

- Tham gia nhiều phiên Hội chợ như Hội Chợ Hàng Việt nam chất lượng cao năm 2018 tại TP.HCM và Gia Lai, Hội Chợ Tôn Vinh Hàng Việt. Foodexpo 2018 dưới mô hình Ngôi nhà chung SATRA,...vv để làm công tác quảng bá cho thương hiệu APT.

Công ty đã tham gia ứng cử và đã được xét duyệt các danh hiệu như Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu năm 2018, doanh nhân TP.HCM tiêu biểu năm 2018. Sản phẩm dịch vụ thương hiệu Việt Tiêu biểu của Bộ Công Thương.

- Sản phẩm của Công ty được chọn là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố 3 nhóm: Nước mắm, khô, hàng chế biến.



- Công ty đã tiếp tục năm thứ hai đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập, và tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019.



#### **1.1.5.- Về công tác nuôi trồng:**

- Mặc dù thời tiết thất thường nhưng Xí nghiệp Nuôi trồng đã bảo đảm tình hình nuôi trong năm ổn định, FCR đảm bảo trong định mức, tỷ lệ size cá đều hồng 800gr – up cao nên giá thành tốt. Các mặt hàng nuôi được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và chủ yếu là cung cấp cho xuất khẩu (200 tấn cá Trê, 200 tấn cá Điều Hồng).

- Các sản phẩm như cá điều hồng, cá trê của Công ty là những sản phẩm sạch và chất lượng, được khách hàng trong và ngoài nước tin nhiệm.

- Xí nghiệp nuôi trồng tiếp tục được công nhận chuỗi sản phẩm an toàn của Thành phố.

#### **1.1.6.- Về hoạt động gia công sản xuất:**

- Trong năm 2018, công tác sản xuất có quá nhiều khó khăn, nhất là lĩnh vực gia công. Trong khoản thời gian từ tháng 1- tháng 9, nguyên liệu khan hiếm (các mặt hàng cá biển, mực, bạch tuộc,...), đa số các khách hàng gia công đều tạm ngưng sản xuất do thiếu nguyên liệu, giá cao, nên sản lượng sản xuất giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2017, doanh thu chỉ đủ để trả lương, lỗ chi phí khấu hao và các chi phí quản lý liên quan.

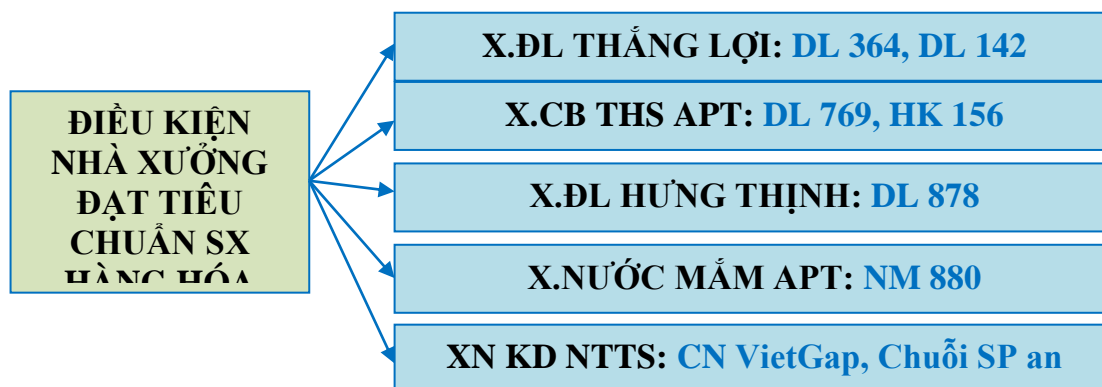
- Với những khó khăn trên, các đơn vị sản xuất đã tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm tối đa chi phí Bộ phận sản xuất đã cố gắng tìm thêm khách hàng mới để đảm bảo kế hoạch sản xuất. Đã kết nối làm việc & sản xuất mẫu cho một số khách hàng mới, khách gia công nước ngoài với những mặt hàng mới về thủy sản, nông sản, khô cá Minh Thái... Tuy nhiên, do một số điều kiện khách quan nên chưa thực hiện do khách hàng đang chờ kết quả chào mẫu, giá thành cao do mặt hàng mới..vv.

- Về công tác khai thác kho và hợp tác kinh doanh tuy cũng có nhiều khó khăn nhưng về cơ bản đã được khai thác triệt để, công tác quản lý và khai thác kho đã được chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế như công tác chất xếp, lưu trữ, ..., tiếp tục duy trì và có thêm giải pháp để tăng cường hơn công tác quản lý.



- Về công tác quản lý chất lượng: Công tác sản xuất được đảm bảo đúng quy trình, ATVSTP, hàng hóa sản xuất – luân chuyển – tồn kho tương đối ổn định.

- Về điều kiện sản xuất: Trang thiết bị, máy móc, CCDC luôn được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc quan tâm đầu tư sửa chữa thường xuyên trong nhiều năm qua bảo đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu và các thị trường khác. Trong tháng 4, Xưởng ĐL Hưng Thịnh được cấp Code DL 878, Xưởng Nước mắm APT được cấp Code NM 880. Như vậy, về điều kiện xuất khẩu hiện nay Công ty có:



**1.1.7 Công tác kế hoạch đầu tư:** Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Trong năm tài chính 2018, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn.

+ Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc năm 2018 được HĐQT duyệt là 7,035 tỷ đồng; Tổng giá trị thực hiện trong năm 2018 là 4,73 tỷ đồng (67% KH).

### **1.1.8. Công tác tổ chức:**

Kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty; nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với pháp luật hiện hành.

Xây dựng định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị. Nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp.

Công tác tổ chức ổn định, kịp thời điều động, sắp xếp lại các nhân sự cho phù hợp với yêu cầu công việc, cơ cấu tổ chức để đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

Công ty đã hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức

NLĐ về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản:

Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài. Đơn đốc thu hồi công nợ khó đòi cũ.

Quản lý tốt luân chuyển hàng hóa tồn kho, hạn chế phát sinh hàng tồn kho lâu ngày, kém và mất phẩm chất.

Bộ máy tài chính kế toán của Công ty ngày càng tinh gọn, quy chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Tiếp tục phối hợp Satra tập trung công tác hoàn tất hồ sơ để quyết toán giai đoạn Nhà nước.

Với những khó khăn về vốn, không vay được vốn ngân hàng do những tồn tại cũ. Công ty cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn hiện có cho sản xuất kinh doanh một cách hợp lý và hiệu quả theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn

### b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/

\* *Nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV.*

Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **26.765.067.131 đồng, gồm:**

- **Lãi vay vốn kinh doanh** 24.799.354.131 đồng

- **Cổ tức năm 2007:** 1.965.713.000 đồng

- *Về khoản cổ tức năm 2007 là 1.965.713.000 đồng:* Đây là khoản tiền cổ tức năm 2007 chia cho vốn Nhà nước, được tính căn cứ vào Kết quả kinh doanh năm 2007. Tuy nhiên, theo kết quả kiểm tra Báo cáo Tài chính Công ty APT năm 2007 của Kiểm toán nhà nước thì năm 2007 Công ty bị lỗ - 8.129.254.054 đồng. Hội đồng quản trị Công ty đã có thông báo gửi cổ đông (bao gồm Satra) không trả số cổ tức năm 2007 nói trên và có tờ trình xin ý kiến cổ đông về việc giải quyết số cổ tức đã chi năm 2007.

\* Nợ ngân sách 14.393.716.398 đồng:

- Phải trả Sở Tài chính khoản vốn cấp xây dựng Nhà máy Tân Tạo sau khi đã xác định GTDN: 11.178.114.000 đồng

- Phải trả Tổng Công ty SATRA các khoản công nợ còn treo gác từ trước khi chuyển thể (theo Biên bản họp BCD CPH ngày 26/9/2018): 3.215.602.398 đồng.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1 Công tác kế hoạch đầu tư: Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Trong năm tài chính 2018, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn.

+ Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc năm 2018 được HĐQT duyệt là 7,035 tỷ đồng; Tổng giá trị thực hiện trong năm 2018 4,73 tỷ đồng (67% KH).

**2 Về công tác khởi kiện, thu hồi công nợ, giải quyết khoản nợ vay Ngân Hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây).**

### *2.1 Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:*

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thúc đẩy các vụ kiện đòi nợ, yêu cầu các đối tượng phải thi hành án đối với các bản án đã có hiệu lực của Tòa án.

Tính đến ngày 31/12/2018, nợ phải thu khó đòi theo kết luận số 400-KL của Thanh tra Thành phố còn lại gần **90 tỷ đồng**. Khoản công nợ khó đòi trên đã được trích lập dự phòng 100% và đã khởi kiện ra TAND, THA yêu cầu thanh toán nợ.

Với mọi giải pháp và nỗ lực, trong năm 2018 Công ty tiếp tục đeo bám để giải quyết các hồ sơ đã khởi kiện, đang thi hành án và đã thu được **hơn 226 triệu đồng**, các vụ việc đang thi hành án còn lại có khả năng thu hồi nợ là rất thấp do những người phải thi hành án không còn tài sản cũng như không có khả năng để trả cho Công ty hoặc đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Các vụ việc người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay với ngân hàng nên theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, các tài sản này phải được ưu tiên khi thanh lý sẽ trả cho các khoản vay của ngân hàng, sau khi đã trả xong cho ngân hàng thì mới đến các chủ nợ khác. Mặt khác, qua kết quả các vụ kiện để thu hồi nợ, Công ty thấy các khoản vay ngân hàng của các bị đơn thường cao hơn giá trị hiện tại của các tài sản bảo đảm này nên rất khó xử lý các tài sản này để thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty.

### *2.2 Công tác giải quyết công nợ quá hạn phải trả.*

Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty APT, đến thời điểm 31/12/2018 số liệu nợ phải trả quá hạn là **676.598.931.529 đồng**,

+Nợ Tổng Công ty Thương mại SATRA:	26.765.067.131 đồng
+Nợ Ngân hàng TMCP Sacombank:	635.440.148.000 đồng
+Nợ ngân sách:	14.393.716.398 đồng

Các khoản nợ Ngân sách Công ty phải trả sau khi hoàn thành Quyết toán chuyển thể giai đoạn DNNN. HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các phương án trả nợ có thời hạn nhằm đề xuất các cơ quan chức năng xem xét.

Hội đồng quản trị nhận thấy: Trong điều kiện Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn về tình hình tài chính, trong điều kiện không vay được vốn kinh doanh nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho 500 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả Ngân sách Nhà Nước, nợ lãi cho Satra và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

### 3. Báo cáo thực hiện các thủ tục để đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại UPCOM

Sau khi hoàn tất việc lưu ký cổ phiếu tại VSD, và đơn vị tư vấn FPTTS xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên. Ngày 28/12/2018 Công ty đã có văn bản số 267/CV-THS về việc đăng ký ngày giao dịch đầu tiên và đề xuất giá tham chiếu cho cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tuy nhiên đến nay Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đang xem xét giá tham chiếu do Công ty đề xuất nên vẫn chưa có ý kiến phản hồi (qua trao đổi với chuyên viên của Sở thì hồ sơ của APT phải bổ sung báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán). Sau khi hoàn tất báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty đã bổ sung cho Sở Giao dịch CK Hà Nội .

Căn cứ qui định tại điều 32, QĐ 455 Quy chế tổ chức và quản lý của Sở GDCK Hà Nội với tình hình âm vốn chủ sở hữu **Cổ phiếu APT sẽ bị hạn chế giao dịch và chỉ được giao dịch một phiên vào chiều thứ sáu hàng tuần.**

### 4. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành của Công ty đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết Hội đồng quản trị, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng quản trị nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

### 5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.
- Sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 bầu bổ sung thành viên HĐQT. HĐQT Công ty sẽ tiến hành bầu chủ tịch HĐQT mới và xây dựng chiến lược kinh doanh cho những năm kế tiếp.
- Lãnh đạo Ban điều hành phối hợp với chủ sở hữu vốn Nhà nước sớm quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước.
- Chủ động, linh hoạt trong việc chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và các năm tiếp theo. Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch cho phù hợp.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tuyển dụng lao động giỏi, có kinh nghiệm, tay nghề đi đôi với tinh giản biên chế, tiết kiệm chi phí để tăng thu nhập cho Người lao động, tiếp tục xây dựng các phương án đầu tư đổi mới trang thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Tìm kiếm các phương án, giải pháp để xử lý khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây), hoàn trả ngân sách Nhà Nước, xử lý nợ với Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1.-Hội đồng quản trị:

#### 1.1-Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



Sau Đại hội Cổ đông thường niên 2017, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022) được bầu đến nay theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.
  - Thành viên không điều hành.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.584.000 Cổ phần (đại diện vốn Nhà nước) chiếm tỷ lệ 18 %.
3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy - Thành viên HĐQT
  - Thành viên không điều hành.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

#### 1.2-Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 bầu ra ngày 15/4/2017 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng quản trị.

2. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã họp thường lệ, lấy ý kiến bằng văn bản 10 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty.

Sau đây là một số nghị quyết, quyết định quan trọng đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua:



Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung chính
01	01/QĐ-HĐQT	25/1/2018	Thành lập chi nhánh xưởng nước mắm APT
02	02/QĐ-HĐQT	25/1/2018	Thành lập chi nhánh XN Đông lạnh Hưng Thịnh
03	01/NQ-HĐQT	02/3/2018	Tổ chức đại hội cổ đông năm 2018
04	02/NQ-HĐQT	19/3/2018	Chấp thuận việc từ nhiệm thành viên Ban KS của Ông Diệp Phú Vinh và tổ chức bầu bổ sung thành viên BKS.
05	03/NQ-HĐQT	02/4/2019	Thông qua biên bản kiểm tra báo cáo tài chính thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2005 đến thời điểm chuyển thể 31/12/2006.
06	06/NQ-HĐQT	27/7/2018	V/v hủy bỏ thông báo số 11/TB-THS ngày 8/7/2018 liên quan đến cổ tức năm 2007.
07	08/NQ-HĐQT	8/8/2019	Thành lập chi nhánh của XN KD NT Thủy sản tại Tiền Giang
08	09/NQ-HĐQT	19/10/2018	V/v điều chỉnh KHSXKD năm 2018
09	10/NQ-HĐQT	12/11/2018	Ký biên bản họp ngày 26/9/2018 v/v xác định phần vốn DNNN tại thời điểm chuyển sang cổ phần 31/12/2006.
10	12/NQ-HĐQT	28/12/2018	Phê duyệt KHSXKD 2019 trình Đại hội cổ đông thường niên 2019.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1-Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

### BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Bùi Tấn Định: - Trưởng Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4,54%

2. Bà Đỗ Ngọc Nga

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

3. Bà Lê Thị Thùy Trang- Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 04% (Đại diện vốn nhà nước).

## 2. 2-Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã nhận được đầu đủ các thông tin và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT), Báo cáo kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát tham dự các phiên họp của HDQT. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HDQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.

## 3-Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

**Do tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 gặp nhiều khó khăn nên năm 2018 Chủ tịch HDQT và toàn bộ HDQT đã tự nguyện không nhận bất kỳ khoản thù lao, công tác phí nào.**

a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã ban hành Quy chế quản trị Công ty.

## VI-Báo cáo tài chính:

### 1. Ý kiến của kiểm toán.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này,

kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Năm 2017, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2018, cụ thể như sau

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang lỗ lũy kế là 628.436.825.351 đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 538.605.003.050 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 604.523.445.590 đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2018 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.809.521.917 đồng; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 đồng và nợ phải thu khác là 33.864.021.867 đồng. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100% (chi tiết xem tại Thuyết minh số 5, số 6 và số 7). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phát sinh giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn số tiền 389.925.937 đồng (chi tiết xem tại Thuyết minh số 15), Phải trả ngắn hạn khác số tiền là 4.682.309.260 đồng và số tiền 11.267.612.814 đồng các khoản ứng vốn nhà nước xây dựng nhà xưởng trong giai đoạn cổ phần hóa đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 19). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2018 công ty đã đánh giá lại khoản nợ vay bằng vàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2018 cho toàn bộ khoản vay này theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)





**Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ sáu ngày 07/09/2012 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tri Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Bùi Tấn Định	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/04/2018
Ông Diệp Phú Vinh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2018
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên	
Bà Lê Thị Thùy Trang	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

**Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



*Trương Tiên Dũng*

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		297.535.900.336	271.185.229.336
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(267.236.846.541)	(228.835.625.469)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(31.628.539.403)	(35.360.120.006)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.428.166.682	1.686.760.552
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.168.953.921)	(7.631.954.171)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(9.070.272.847)</i>	<i>1.044.290.242</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.168.886.032)	(24.656.099.225)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		150.000.000	2.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.000.000.000)	(51.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.000.000.000	74.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.972.243.369	3.633.459.861
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(4.046.642.663)</i>	<i>1.980.269.727</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(13.116.915.510)</i>	<i>3.024.559.969</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.223.346.548	13.272.247.023
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(350.868)	(73.460.444)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>3.106.080.170</u>	<u>16.223.346.548</u>




Đoàn Thị Thu Hà  
 Người lập



Đoàn Thị Thu Hà  
 Kế toán trưởng



  
 Trương Tiên Dạng  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ sáu ngày 07/09/2012 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; Chế biến nước mắm, Nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang lỗ lũy kế là 628.436.825.351 đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 538.605.003.050 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 604.523.445.590 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của chủ sở hữu, sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2018 cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 35.561.766.611 đồng. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn.



### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.



## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



#### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng vàng thì thực hiện theo dõi chi tiết theo số lượng vàng.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chiết khấu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều năm về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển:

- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:

- Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.20 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.





## 2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

## 2.25 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	323.091.000	162.965.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.782.989.170	6.060.381.548
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u><b>3.106.080.170</b></u>	<u><b>16.223.346.548</b></u>

### 4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	23.000.000.000	23.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
	<u><b>23.000.000.000</b></u>	<u><b>23.000.000.000</b></u>	<u><b>18.000.000.000</b></u>	<u><b>18.000.000.000</b></u>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2018 là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,9%/năm.



**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**ông ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**  
4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

- Hệ thống siêu thị Metro
- Hệ thống siêu thị Big C
- Hệ thống các siêu thị thành viên Sài Gòn Co.op
- Hệ thống siêu thị Satrafoods
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phước Thành
- Công ty TNHH Thương mại Thủy sản Nguyễn Chi
- Công nợ khó đòi từ năm 2007 đến năm 2009
- PACIFIC RIM Co.,Ltd
- Pureunfood Co.,Ltd
- Công ty CP Thương mại Sài Gòn Tây Nam
- Các khoản phải thu khách hàng khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	-	-	461.899.018	-
	124.589.806	-	755.424.715	-
	3.584.101.630	-	2.030.042.414	-
	6.269.843.679	-	1.104.419.273	-
	1.836.375.100	-	3.697.310.100	-
	-	-	1.947.283.116	-
	71.809.521.917	(71.809.521.917)	71.889.521.917	(71.889.521.917)
	2.595.896.910	-	-	-
	4.006.529.575	-	1.288.586.935	-
	197.579.800	-	2.509.385.000	-
	5.789.158.748	-	7.026.175.282	-
	<b>96.213.597.165</b>	<b>(71.809.521.917)</b>	<b>92.710.047.770</b>	<b>(71.889.521.917)</b>

**. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

- Công nợ ứng trước từ năm 2007 đến năm 2009
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
	268.717.000	-	1.248.352.320	-
	<b>5.918.717.000</b>	<b>(5.650.000.000)</b>	<b>6.898.352.320</b>	<b>(5.650.000.000)</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công nợ phải thu khác khó đòi từ năm 2007 đến năm 2009	33.976.671.410	(33.864.021.867)	33.976.671.410	(33.864.021.867)
- Phải thu về lãi tiền gửi	281.102.852	-	677.722.107	-
- Tạm ứng	274.158.500	-	308.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	137.410.484	-	3.156.876.605	-
	<b>34.729.343.246</b>	<b>(33.864.021.867)</b>	<b>38.119.270.122</b>	<b>(33.864.021.867)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	46.097.500	-	46.097.500	-
	<b>46.097.500</b>	<b>-</b>	<b>46.097.500</b>	<b>-</b>



**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
- Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
- Trương Văn Ruông	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
- Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
- Võ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
- Công nợ phải thu khác	30.901.070.027	112.649.543	30.981.070.027	112.649.543
	<b>111.436.193.327</b>	<b>112.649.543</b>	<b>111.516.193.327</b>	<b>112.649.543</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.541.059.595	(2.035.346)	2.948.543.827	(2.035.346)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.168.673.158	-	2.891.867.948	-
Thành phẩm	23.461.237.998	-	13.362.397.797	-
Hàng hoá	11.157.811.050	-	197.745.311	-
	<b>43.328.781.801</b>	<b>(2.035.346)</b>	<b>19.400.554.883</b>	<b>(2.035.346)</b>



**1. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	53.463.371.367	62.149.753.313	9.372.356.004	254.023.720	3.549.172.645	128.788.677.049
- Mua trong năm	-	1.119.189.000	228.212.274	-	-	1.347.401.274
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	253.177.592	-	-	253.177.592
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.454.545)	(456.351.072)	-	-	(491.805.617)
- Tài sản lâu năm bị hủy	-	-	(170.965.978)	-	-	(170.965.978)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.463.371.367</b>	<b>63.233.487.768</b>	<b>9.226.428.820</b>	<b>254.023.720</b>	<b>3.549.172.645</b>	<b>129.726.484.320</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	20.890.929.177	39.617.366.025	6.602.310.738	254.023.720	3.235.672.645	70.600.302.305
- Khấu hao trong năm	2.522.781.538	3.342.656.105	553.929.759	-	114.000.000	6.533.367.402
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.454.545)	(456.351.072)	-	-	(491.805.617)
- Tài sản lâu năm bị hủy	-	-	(170.965.978)	-	-	(170.965.978)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.413.710.715</b>	<b>42.924.567.585</b>	<b>6.528.923.447</b>	<b>254.023.720</b>	<b>3.349.672.645</b>	<b>76.470.898.112</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	32.572.442.190	22.532.387.288	2.770.045.266	-	313.500.000	58.188.374.744
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>30.049.660.652</b>	<b>20.308.920.183</b>	<b>2.697.505.373</b>	<b>-</b>	<b>199.500.000</b>	<b>53.255.586.208</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 53.255.586.208 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.809.526.779 VND.

**1 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2018 là phần mềm máy tính với nguyên giá là 365.560.000 đồng, tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2018.

**12 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	1.090.412.550	-
- Tủ đông gió	996.160.000	-
- Tài sản khác	94.252.550	-
	<b>1.090.412.550</b>	<b>-</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản	190.051.014	305.448.487
Công cụ dụng cụ xuất dùng	200.200.428	458.447.707
	<b>390.251.442</b>	<b>763.896.194</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo <sup>(1)</sup>	10.209.636.816	10.574.246.064
Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ <sup>(2)</sup>	3.405.060.583	3.506.656.543
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	564.681.871	158.125.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.152.203.012	1.847.245.041
	<b>15.331.582.282</b>	<b>16.086.272.648</b>

(1) Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo với tổng diện tích 20.340 m<sup>2</sup>. Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 35 năm.

(2) Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ được phân bổ trong 50 năm.



**Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Số 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Nguyễn Thanh Nhân	-	-	1.014.221.673	1.014.221.673
- Võ Văn Tạo	2.047.913.600	2.047.913.600	907.842.500	907.842.500
- Nguyễn Văn Đạt	-	-	656.826.220	656.826.220
- Nguyễn Hoài Lạc	504.661.520	504.661.520	634.015.320	634.015.320
- Nguyễn Thị Khen	2.205.860.200	2.205.860.200	-	-
- Phạm Văn Trung	1.107.296.000	1.107.296.000	-	-
- Mai Văn Tự	771.480.200	771.480.200	-	-
- Nguyễn Dũng Tâm	687.823.150	687.823.150	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	4.266.111.377	4.266.111.377	2.951.684.262	2.951.684.262
	<b>11.591.146.047</b>	<b>11.591.146.047</b>	<b>6.164.589.975</b>	<b>6.164.589.975</b>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Chen Foods (Sorelle Group Pty.,Ltd)	1.022.644.683	979.094.911		
- Công nợ trước khi cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937		
- Liên Hiệp HXT Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	476.976.878	554.301.270		
- Hệ thống Siêu Thị Co.op Mart	869.121.546	842.593.965		
- Nguyễn Văn Khiêm	5.002.807.560	-		
- Các khoản khác	1.069.747.640	679.127.333		
	<b>8.831.224.244</b>	<b>3.445.043.416</b>		



**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế Giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	-	-	13.951.927	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	-	-	10.656.154	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	-	-	37.835.674	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	80.460.932	496.814.242	-	536.540.530	-	-	-	40.734.644
Thuế Tài nguyên	-	-	14.332.160	-	14.332.160	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	219.200.635	2.986.348.453	-	3.205.549.088	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	-	7.000.000	-	-	-	-
	<b>62.443.755</b>	<b>299.661.567</b>	<b>3.504.494.855</b>	<b>3.763.421.778</b>	<b>62.443.755</b>	<b>40.734.644</b>			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**7 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí chiết khấu trích trước	521.093.043	388.160.702	-	-
- Chi phí đầu tư tài sản tạm tăng đang chờ quyết toán	-	1.967.045.456	-	-
- Chi phí phải trả khác	120.264.124	143.726.905	-	-
	<b>641.357.167</b>	<b>2.498.933.063</b>		

**8 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là doanh thu cho thuê mặt bằng tại đường Trần Hưng Đạo, quận 05, TP. Hồ Chí Minh, số tiền là 685.912.500 đồng.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	26.854.000	181.979.000
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn lãi vay vốn hỗ trợ	24.799.354.131	24.799.354.131
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay VND	108.884.200.003	96.524.200.002
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay vàng	209.579.835.825	186.378.069.215
- Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ phúc lợi	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	316.500.000
- Phải trả Công đoàn Công ty	126.057.000	129.160.703
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	36.483.750
	<b>361.422.084.933</b>	<b>326.371.530.775</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.805.236.000	2.370.198.000
	<b>3.805.236.000</b>	<b>2.370.198.000</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay VND <sup>(1)</sup>	108.884.200.003	96.524.200.002
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay vàng <sup>(1)</sup>	209.579.835.825	186.378.069.215
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn lãi vay vốn hỗ trợ	24.799.354.131	24.799.354.131
- Các khoản phải trả khác trước cổ phần hóa <sup>(2)</sup>	4.682.309.260	4.682.309.260
+ Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
+ Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	3.396.720.854	3.396.720.854
+ Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
+ Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
+ Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi	81.697.182	81.697.182
+ Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
+ Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
+ Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
	<b>361.269.173.933</b>	<b>325.707.407.322</b>

**Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn**

- (1) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) không có khả năng thanh toán.
- (2) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.



**0 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương	316.429.470.000	-	-	116.660.000	316.312.810.000	-
Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP						
Phương Nam) <sup>(*)</sup>						
	<b>316.429.470.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>116.660.000</b>	<b>316.312.810.000</b>	<b>-</b>

Khoản giảm nợ vay trong kỳ là do đánh giá lại nợ gốc vay bằng vàng.

**Thông tin bổ sung về khoản vay ngắn hạn:**

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2018 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- (1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
  - Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
  - Lãi suất cho vay: 12%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 đồng.
- (1.2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
  - Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 213.312.800.000 đồng theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2018;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
  - Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 213.312.810.000 đồng.

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(561.269.442.932)	(471.437.620.631)
Lỗ trong năm trước	-	-	(31.415.393.862)	(31.415.393.862)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(592.684.836.794)	(502.853.014.493)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(592.684.836.794)	(502.853.014.493)
Lỗ trong năm nay	-	-	(35.751.988.557)	(35.751.988.557)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(628.436.825.351)	(538.605.003.050)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000	30,00
Ông Tạ Bá Thuyết	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000	2,27
Các cổ đông khác	59.598.020.000	67,73	59.598.020.000	67,73
	88.000.000.000	100,00	88.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ công ty	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	<b>1.831.822.301</b>	<b>1.831.822.301</b>

## 22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:	4.889.967.859	4.889.967.859
- Từ 1 năm trở xuống		

b) Tài sản thuê ngoài	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn
Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ-UBND ngày 09/10/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:		

Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn
Trại cá tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê đến năm 2021.
Số 157 Hưng Phú, phường 08, quận 08, TP. Hồ Chí Minh.	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, TP. Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, phường 14, quận Bình Thạnh,	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.



**Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

<u>Địa chỉ</u>	<u>Diện tích (m<sup>2</sup>)</u>	<u>Thời hạn</u>	
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.	
107/14 Lạc Long Quân, phường 03, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.	
109 Nguyễn Thái Sơn, phường 04, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	277,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.	
1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, phường 05, quận 05, TP. Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê đến năm 2020.	
48 - 50 Lê Văn Linh, phường 12, quận 04, TP. Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê đến năm 2020.	
202 - 204 Hàn Hải Nguyên, phường 02, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058.	
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, TP. Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê đến năm 2020.	
42 Trung Nữ Vương, phường 04, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058.	
98 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 01, TP. Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058.	
<b>c) Tài sản nhận giữ hộ</b>			
- Vật tư hàng hóa nhận gia công: 63.400 kg thủy hải sản các loại.			
<b>d) Ngoại tệ các loại</b>		<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)		3.406,00	203.187,40
<b>e) Nợ khó đòi đã xử lý</b>		<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
		VND	VND
Ông Trần Văn Tạo		383.646.000	383.646.000
<b>24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		91.834.891.727	77.781.470.179
Doanh thu bán thành phẩm		151.925.055.635	121.168.156.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ		50.384.273.200	62.285.536.642
		<u><u>294.144.220.562</u></u>	<u><u>261.235.163.482</u></u>
<b>25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
		VND	VND
Hàng bán bị trả lại		3.354.857.997	419.278.290
		<u><u>3.354.857.997</u></u>	<u><u>419.278.290</u></u>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.869.070.904	75.894.663.239
Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.755.981.184	101.650.127.413
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.949.075.733	37.259.873.742
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(125.831.569)
	<b>250.574.127.821</b>	<b>214.678.832.825</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.575.624.114	2.406.584.747
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	298.460.977	7.706.557
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc vay vàng cuối năm	116.660.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	83.825.417	-
	<b>2.074.570.508</b>	<b>2.414.291.304</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.561.766.611	36.312.351.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.234.981
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	86.847.267
Khoản lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng theo tỷ giá vàng cuối năm	-	1.108.270.000
	<b>35.561.766.611</b>	<b>37.508.703.464</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.700.350.903	2.524.817.634
Chi phí nhân công	4.851.257.848	4.349.218.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	831.007.546	868.160.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.463.222.498	11.327.219.854
Chi phí khác bằng tiền	12.714.574.779	10.032.990.959
	<b>30.560.413.574</b>	<b>29.102.406.684</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.410.379.288	8.514.263.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.003.450.281	933.703.342
Thuế, phí, lệ phí	67.105.160	21.462.080
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(80.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.251.922	539.707.252
Chi phí khác bằng tiền	3.004.894.159	3.375.976.741
	<b>11.902.080.810</b>	<b>13.385.112.674</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	136.363.636	2.909.091
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	6.405.948	30.013.568
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ và phế liệu	-	8.181.818
Thu nhập khác	9.136.788	12.640.756
	<b>151.906.372</b>	<b>53.745.233</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	141.714.201	-
Các khoản phạt, chậm nộp thuế, BHXH	9.731.296	6.897.619
Xử lý công nợ	17.260.689	17.362.012
Chi phí khác	733.000	313
	<b>169.439.186</b>	<b>24.259.944</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.751.988.557)	(31.415.393.862)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	6.897.619
Thu nhập tính thuế TNDN	(35.751.988.557)	(31.408.496.243)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(37.835.674)</b>	<b>(37.835.674)</b>

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(35.751.988.557)	(31.415.393.862)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(35.751.988.557)	(31.415.393.862)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.063)</b>	<b>(3.570)</b>



**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.518.657.139	68.407.347.730
Chi phí nhân công	43.020.325.761	42.956.372.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.533.367.402	5.455.146.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.834.285.267	21.956.171.797
Chi phí khác bằng tiền	17.636.561.143	16.902.306.180
	<b>214.543.196.712</b>	<b>155.677.343.950</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.106.080.170	-	16.223.346.548	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.989.037.911	(105.673.543.784)	130.875.415.392	(105.753.543.784)
Các khoản cho vay	23.000.000.000	-	18.000.000.000	-
	<b>157.095.118.081</b>	<b>(105.673.543.784)</b>	<b>165.098.761.940</b>	<b>(105.753.543.784)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	316.312.810.000	316.429.470.000
Phải trả người bán, phải trả khác	376.818.466.980	334.906.318.750
Chi phí phải trả	641.357.167	2.498.933.063
	<b>693.772.634.147</b>	<b>653.834.721.813</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.106.080.170	-	-	3.106.080.170
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.269.396.627	46.097.500	-	25.315.494.127
Các khoản cho vay	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000
	<b>51.375.476.797</b>	<b>46.097.500</b>	<b>-</b>	<b>51.421.574.297</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.223.346.548	-	-	16.223.346.548
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.075.774.108	46.097.500	-	25.121.871.608
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	<b>59.299.120.656</b>	<b>46.097.500</b>	<b>-</b>	<b>59.345.218.156</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	316.312.810.000	-	-	316.312.810.000
Phải trả người bán, phải trả khác	373.013.230.980	3.805.236.000	-	376.818.466.980
Chi phí phải trả	641.357.167	-	-	641.357.167
	<b>689.967.398.147</b>	<b>3.805.236.000</b>	<b>-</b>	<b>693.772.634.147</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	316.429.470.000	-	-	316.429.470.000
Phải trả người bán, phải trả khác	332.536.120.750	2.370.198.000	-	334.906.318.750
Chi phí phải trả	2.498.933.063	-	-	2.498.933.063
	<b>651.464.523.813</b>	<b>2.370.198.000</b>	<b>-</b>	<b>653.834.721.813</b>

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

### 37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh thủy hải sản	Gia công và dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	240.405.089.365	50.384.273.200	290.789.362.565
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>23.780.037.277</b>	<b>16.435.197.467</b>	<b>40.215.234.744</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.600.578.866	-	1.600.578.866
Tài sản bộ phận trực tiếp	103.570.940.682	29.465.632.549	133.036.573.231
Tài sản không phân bổ	-	-	37.614.201.560
<b>Tổng tài sản</b>	<b>103.570.940.682</b>	<b>29.465.632.549</b>	<b>170.650.774.791</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	698.766.167.103	4.523.603.788	703.289.770.891
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.966.006.950
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>698.766.167.103</b>	<b>4.523.603.788</b>	<b>709.255.777.841</b>



Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.595.827.316	162.193.535.249	290.789.362.565
Tài sản bộ phận	-	-	170.650.774.791
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.600.578.866

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả khác</b>			
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Cổ đông lớn	28.196.074.985	28.196.074.985


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	576.040.000	639.668.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị.	1.471.944.000	2.030.721.000

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 Đoàn Thị Thu Hà  
 Người lập

  
 Đoàn Thị Thu Hà  
 Kế toán trưởng

  
  
 Trương Tiên Dung  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

XÁC NHẬN  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*Trương Tiên Dũng*  
-----  
TRƯƠNG TIÊN DŨNG